

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 462/2021/KDTMPT
Ngày: 13/5/2021
V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ
quảng cáo

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Như Mai

Các Thẩm phán: Ông Lê Thọ Viên

Bà Lưu Thị Đoan Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Phương – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 tháng 4 năm 2021, 10 và 13 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ
lý số 16/KDTMPT ngày 23 tháng 02 năm 2021

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 183/2020/KDTM-ST ngày
22/12/2020 của Tòa án nhân dân Quận 1 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1259/2021/QĐ-PT ngày
23/3/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Tổng công ty Cổ phần dịch vụ T; địa chỉ: Lầu 6 Tòa nhà P,
số 1-5 đường L, phường B, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền: Ông T và ông C; địa chỉ: Lầu 6 Tòa nhà P, số 1-5
đường L, phường B, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày
10/7/2020).

- *Bị đơn:* Tổng công ty P – Công ty cổ phần; địa chỉ: đường M, phường Đ,
Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện ủy quyền: Ông Q, ông Tr, bà H, bà Th; Cùng địa chỉ: đường M,
phường Đ, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 09/UQ - PBHC
ngày 16/4/2021).

Phiên tòa có mặt các ông bà: T, C, Q, Tr, Th, H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Tổng công ty Cổ phần dịch vụ T có các đại diện ủy quyền trình bày:

Ngày 17 tháng 4 năm 2014, Tổng công ty Cổ phần dịch vụ T (sau đây gọi tắt là PE) và Tổng Công ty P– Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là PV) ký kết Hợp đồng Quảng cáo số 234/2014/PV/TTTT-PE/D_QC (sau đây gọi tắt là Hợp đồng). Hợp đồng có nội dung chính: PV đồng ý thuê và PE đồng ý thực hiện dịch vụ quảng cáo, truyền thông cho PV trong các hoạt động của Câu lạc bộ Bóng bàn PE liên tiếp trong 05 năm từ đầu năm 2014 đến hết năm 2018; sau mỗi năm, hai bên sẽ rà soát lại việc thực hiện hợp đồng trong năm đó và soạn thảo, ký Phụ lục hợp đồng/Hợp đồng triển khai chi tiết cho từng năm kế tiếp, trên cơ sở của hợp đồng. Tổng giá trị hợp đồng là 2.000.000.000 đồng/năm chưa bao gồm thuế VAT. Ngoài ra, Hợp đồng còn có các điều khoản về phương thức thanh toán; trách nhiệm và quyền lợi của các bên; địa chỉ thông báo; sửa đổi và chấm dứt hợp đồng; và các điều khoản khác.

Từ năm 2014 đến năm 2016, hai bên đã thực hiện đúng thỏa thuận tại Hợp đồng. Từ năm 2017, hai bên không ký phụ lục hợp đồng do PV không đồng ý ký. Tuy nhiên, PE vẫn tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng, quảng cáo cho PV trong các hoạt động của câu lạc bộ bóng bàn. Năm 2017, cũng bộ hồ sơ thanh toán như các năm trước được gửi cho PV nhưng PV không đồng ý thanh toán.

Nay, PE yêu cầu PV phải thanh toán phí dịch vụ quảng cáo năm 2017 là 2.200.000.000 đồng (bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Bị đơn là Tổng Công ty P– Công ty cổ phần có các đại diện ủy quyền trình bày:

PV xác nhận nội dung Hợp đồng 234 đã ký và thực tế thực hiện các năm 2014, 2015 và 2016 như trình bày của nguyên đơn. Tuy nhiên, PV cho rằng quyền và nghĩa vụ của các bên chỉ phát sinh trong từng năm thông qua việc ký phụ lục hợp đồng của mỗi năm. PV không đồng ý với yêu cầu thanh toán số tiền 2.200.000.000 (hai tỷ hai trăm triệu) đồng của nguyên đơn vì:

- Năm 2017, các bên chưa ký phụ lục, chưa xác định được khối lượng công việc cụ thể nên không phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

- Tài liệu chứng cứ do PE cung cấp là các hình ảnh không có tính xác thực và cũng không đầy đủ theo thỏa thuận về nội dung quảng cáo trước đây: logo thương hiệu của PV không xuất hiện trên backdrop, bandroll ngang, bandroll

đọc trong các giải đấu mà Câu lạc bộ bóng bàn PE tham gia thi đấu trong năm 2017;

- Hồ sơ yêu cầu thanh toán do PE gửi cho PV không đầy đủ theo thỏa thuận hợp đồng.

Tại Bản án sơ thẩm số 183/2020/KDTM-ST ngày 22/12/2020 của Tòa án nhân dân Quận 1 đã quyết định:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

Buộc Tổng Công ty P– Công ty cổ phần thanh toán cho Tổng công ty Cổ phần dịch vụ T phí dịch vụ năm 2017 của Hợp đồng Quảng cáo số 234/2014/PV/TTTT-PE/D_QC ngày 17 tháng 4 năm 2014 là 2.200.000.000 đồng (bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Tổng công ty Cổ phần dịch vụ T có nghĩa vụ xuất hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật cho Tổng Công ty P– Công ty cổ phần theo số tiền phí dịch vụ phải thanh toán là 2.200.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/01/2021, bị đơn là PV có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, bị đơn cho rằng bản án sơ thẩm không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của PV. Cụ thể: Hợp đồng 234 là hợp đồng nguyên tắc, trong hợp đồng cũng ghi nhận cơ sở để các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình là ký kết phụ lục cụ thể của từng năm. Điều này cũng phụ thuộc vào thực tế thực hiện giữa hai bên qua các năm 2014, 2015 và 2016. Năm 2017 các bên chưa ký phụ lục nên không phát sinh quyền và nghĩa vụ. Mặt khác, thực tế nguyên đơn cũng không thực hiện đúng nội dung đã thỏa thuận tại hợp đồng cũng như thói quen giao dịch giữa hai bên đã thiết lập. Về hồ sơ thanh toán mà nguyên đơn lập cho năm 2017 cũng không đầy đủ theo quy định tại Điều 2 Hợp đồng 234. Ngoài ra, phía PV đã chủ động thông báo cho PE về việc dừng thực hiện hợp đồng năm 2017 từ đầu năm. Vì những lý do này, không có cơ sở để PV phải thanh toán số tiền 2.200.000.000 (hai tỷ hai trăm triệu) đồng cho PE. Đề nghị cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện. Bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn có đại diện ủy quyền trình bày ý kiến tranh luận: Hợp đồng 234 được các bên ký kết xác định thời hạn 5 năm từ 2014 đến 2018. Nội dung hợp đồng đã thể hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của các bên, không có nội dung nào trong hợp đồng thể hiện việc ký phụ lục là điều kiện phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Mặt khác, bị đơn không hề có bất kỳ thông báo nào gửi cho nguyên đơn về việc chấm dứt thực hiện hợp đồng, kể cả nội dung tin nhắn do bị đơn viện dẫn của ông A cũng không chứa đựng thông tin nào chấm dứt hợp đồng. Chỉ đến cuộc họp ngày 19/3/2018, bị đơn mới có ý kiến đề nghị tạm dừng thực hiện hợp đồng. Hợp đồng có thanh lý cũng phải do đại diện hợp pháp của hai bên thỏa thuận ký bằng văn bản mới có giá trị. Các công việc quảng cáo trong năm 2017 đã được nguyên đơn thực hiện đầy đủ theo hợp đồng 234. Thực tế phía nguyên đơn được giao phụ trách đội bóng bàn và phải chịu trách nhiệm cho toàn thể đội bóng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán số tiền dịch vụ quảng cáo năm 2017 là 2.200.000.000 đồng (đã bao gồm thuế VAT).

Bị đơn, có các đại diện ủy quyền trình bày ý kiến tranh luận: Nguyên đơn cho rằng hợp đồng đã quy định đầy đủ quyền và nghĩa vụ của các bên mà không cần thiết có phụ lục vẫn thực hiện được là không có căn cứ. Thực tế các năm 2014, 2015 và 2016 các bên đều ký phụ lục, nếu không có phụ lục biết được công việc quảng cáo cụ thể mà nguyên đơn sẽ thực hiện cho bị đơn trong năm đó như thế nào. Nguyên đơn cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ nào chứng minh đã gửi các thông báo cho bị đơn về các hoạt động quảng cáo mà mình thực hiện trong năm 2017 nên bị đơn không thể kiểm tra giám sát các hoạt động này. Đối với hình ảnh do phía nguyên đơn cung cấp để chứng minh đã thực hiện các hoạt động quảng cáo cho bị đơn cũng không thể hiện đầy đủ so với hoạt động của các năm trước và không khách quan. Ngoài ra, như bị đơn đã trình bày, hợp đồng 234 là hợp đồng nguyên tắc, các bên chưa ký phụ lục để xác định công việc cụ thể sẽ thực hiện nên không thuộc quy định của Điều 520 Bộ luật Dân sự năm 2015 về nghĩa vụ thông báo của bên đơn phương chấm dứt hợp đồng. Do hợp đồng 234 không có căn cứ để thực hiện, phía nguyên đơn không chứng minh được việc thực hiện hợp đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của bị đơn, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của đương sự làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Tòa án chấp nhận. Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung: Hợp đồng 234 các bên thỏa thuận thực hiện dịch vụ quảng cáo liên tiếp trong vòng 5 năm từ đầu năm 2014 đến hết năm 2018. Tổng giá trị hợp đồng là 2.000.000.000 đồng/năm chưa bao gồm VAT. Hợp đồng không có điều khoản nào thể hiện việc ký Phụ lục hợp đồng. Hợp đồng triển khai chi tiết cho từng

năm là điều kiện phát sinh quyền, nghĩa vụ của hai bên. Từ năm 2014 đến năm 2016, PE đã thực hiện đúng theo các thỏa thuận tại hợp đồng nên PV không có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng theo Điều 4.2.2. Nội dung tin nhắn phía bị đơn cho rằng đã thông báo cho nguyên đơn việc đơn phương chấm dứt hợp đồng không được nguyên đơn thừa nhận, nội dung không chứa đựng thông tin chấm dứt hợp đồng, không phải do người đại diện theo pháp luật hoặc được ủy quyền của bị đơn thực hiện và không phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Điều 6 Hợp đồng. Các phụ lục hợp đồng trong các năm 2014, 2015 và 2016 có nội dung như nhau và trong năm 2017 PE tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ trong Hợp đồng khu chưa nhận được thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng của PV là phù hợp với Hợp đồng và pháp luật quy định. Hồ sơ thanh toán đã được nguyên đơn chuyển cho bị đơn thể hiện tại vi bằng ghi nhận email trao đổi giữa hai bên. Các tài liệu chứng cứ do PE giao nộp phù hợp với kết quả xác minh tại Liên đoàn Bóng bàn Việt Nam và Liên đoàn Bóng bàn Thành phố Hồ Chí Minh thì trong năm 2017, PE thực hiện hoạt động quảng cáo và đảm bảo cho PV vẫn được hưởng đầy đủ quyền lợi quảng bá theo Hợp đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của PE buộc PV thanh toán một lần phí dịch vụ quảng cáo năm 2017 là 2.200.000.000 đồng là có căn cứ. Không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức và thời hạn kháng cáo: Ngày 22 tháng 12 năm 2020, Tòa án nhân dân Quận 1 đưa vụ án ra xét xử và ban hành Bản án số 183/2020/KDTM-ST, bà H, bà Th, ông Q và ông Tr là đại diện ủy quyền của bị đơn có mặt tại phiên tòa. Ngày 04/01/2021 bị đơn kháng cáo. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 thì kháng cáo của bị đơn còn trong hạn luật định nên chấp nhận.

[2] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng quảng cáo đối với bị đơn là Tổng Công ty P – Công ty cổ phần có địa chỉ tại Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì Tòa án nhân dân Quận 1 có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm; Do có kháng cáo đối với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 1 nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Về nội dung:

Căn cứ nội dung kháng cáo của bị đơn, các ý kiến trình bày tranh luận của các bên tại phiên tòa phúc thẩm, các tài liệu chứng cứ và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tổng Công ty P– Công ty cổ phần (PV) được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303165480, đăng ký lần đầu ngày 31/8/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng công ty Cổ phần dịch vụ T (PE) được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300452060, đăng ký lần đầu ngày 29/9/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 23/5/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hợp đồng số 234/2014/PV/TTTT-PE/D_QC ký ngày 17/4/2014 (sau đây gọi tắt là hợp đồng 234) giữa PV và PE là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với ngành nghề đã đăng ký kinh doanh của hai bên và không trái quy định pháp luật nên hợp pháp và phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Nguyên đơn cho rằng hợp đồng 234 đã đầy đủ, không cần thiết ký phụ lục còn bị đơn cho rằng hợp đồng 234 là hợp đồng nguyên tắc, để xác định phạm vi công việc cụ thể là các hoạt động quảng cáo, cần thiết phải có phụ lục được ký kết như các năm 2014, 2015 và 2016 các bên đã thực tế thực hiện. Hội đồng xét xử xem xét ý kiến này của các bên như sau: Hợp đồng 234 có nội dung quy định tại Điều 1: *“Bên A đồng ý thuê, Bên B đồng ý thực hiện các dịch vụ quảng cáo, truyền thông cho bên A trong các hoạt động của Câu lạc bộ (CLB) Bóng bàn PE theo nội dung thỏa thuận của Hợp đồng này và phụ lục kèm theo”*. Hợp đồng ghi nhận tổng giá trị là 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng/năm chưa bao gồm thuế VAT. Các bên đã thỏa thuận phạm vi công việc và đơn giá tại mục 4.2.1: *“Chi tiết tại phụ lục 1 đính kèm”*. Nguyên đơn cho rằng Phụ lục 1 này đã quy định chi tiết phạm vi công việc và đơn giá của hợp đồng và được hiểu là cho tất cả các năm từ 2014 đến 2018 là thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Tuy nhiên, tại đề mục của Phụ lục 1 ghi nhận *“Phụ lục 1: Phạm vi công việc, đơn giá quảng cáo năm 2014”*. Đối chiếu với các điều khoản khác của Hợp đồng 234, Hội đồng xét xử xét thấy tại Điều 3 hợp đồng các bên đã thỏa thuận: *“Sau mỗi năm, hai bên sẽ rà soát lại việc thực hiện hợp đồng trong năm đó và soạn thảo, ký Phụ lục Hợp đồng/Hợp đồng triển khai chi tiết cho từng năm kế tiếp...”*. Như đã nhận định ở trên, hợp đồng các bên thỏa thuận thực hiện dịch vụ quảng cáo trong các hoạt động của Câu lạc bộ Bóng bàn PE. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn cũng xác nhận chương trình hành động của Câu lạc bộ bóng bàn được xây dựng và thay đổi theo từng năm. Điều này cũng phù hợp với thỏa thuận tại mục 5.1 Điều 5 hợp đồng 234 về trách nhiệm của bên B (nguyên đơn): *“Thông báo cho Bên A về thay đổi chương trình hoạt động của Câu lạc bộ theo từng năm tương ứng bằng văn bản”*. Thực tế khi triển khai thực hiện hợp đồng từ năm 2014 đến thời điểm phát sinh tranh chấp các bên cũng xác nhận và cung cấp tài liệu chứng cứ là các phụ lục số 02 ký ngày 08/2/2015 và phụ lục số 03 ký ngày 12/4/2016. Đồng thời chương trình hành động của Câu lạc bộ bóng bàn cũng được nguyên đơn cung cấp cho bị đơn bằng văn bản trong các năm 2014, 2015, 2016. Như vậy, xét trên tổng thể của hợp đồng 234 và thực tế thực hiện có căn cứ để xác định các bên đã thỏa thuận phạm vi công việc và đơn giá được quy định cụ thể

trong phụ lục và phụ lục được ký theo từng năm, là điều kiện cần thiết để triển khai thực hiện cụ thể công việc của năm ký phụ lục.

Xét ý kiến của bị đơn cho rằng do hai bên không ký phụ lục đồng thời đã có thông báo tạm dừng việc thực hiện hợp đồng từ đầu năm 2017 cho nguyên đơn nên không đồng ý thanh toán tiền thực hiện dịch vụ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Phụ lục 02 ký ngày 08/02/2015 và phụ lục 03 ký ngày 12/4/2016 nhưng đều ghi nhận thời gian thực hiện chương trình quảng cáo từ 01/01 đến hết 31/12 của năm tương ứng. Như vậy, mặc dù phụ lục không được ký vào ngày đầu tiên của năm nhưng chương trình quảng cáo được thực hiện từ ngày đầu tiên của năm và kết thúc vào ngày cuối cùng của năm. Điều này cũng được các bên xác nhận tại phiên tòa. Bị đơn cho rằng đã có thông báo tạm dừng việc thực hiện hợp đồng từ đầu năm 2017 nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào chứng minh có sự thông báo này. Tin nhắn của nhân viên phụ trách hợp đồng phía bên bị đơn gửi cho nguyên đơn cũng không thể hiện nội dung thông báo tạm dừng và thời gian tin nhắn là ngày 24/5/2017. Bị đơn cho rằng do các bên chưa ký phụ lục nên không có nghĩa vụ thông báo là không phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Điều 6, 7, 8 Hợp đồng 234 và cũng không phù hợp với thực tế thông lệ hai bên đã thực hiện trong 3 năm liền kề liên tiếp. Cụ thể các bên đều xác định thực hiện hợp đồng từ ngày đầu tiên của mỗi năm. Hợp đồng 234 là hợp đồng chính có hiệu lực và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên. Phụ lục các bên thỏa thuận sẽ ký kết là căn cứ để xác định cụ thể phần nghĩa vụ và quyền của các bên sẽ thực hiện trong từng năm. Việc không ký phụ lục hợp đồng năm 2017 không làm mất đi hiệu lực các điều khoản còn lại của hợp đồng 234 đối với quyền và nghĩa vụ của 2 bên. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 520 Bộ luật Dân sự năm 2015, bị đơn có nghĩa vụ thông báo nếu dừng thực hiện hợp đồng và phải trả tiền công theo phần dịch vụ mà bên cung ứng dịch vụ đã thực hiện.

Xét yêu cầu của nguyên đơn cho rằng giá trị phần dịch vụ mà mình đã thực hiện của năm 2017 là 2.200.000.000 đồng và yêu cầu bị đơn thanh toán, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Tại văn bản ngày 15/10/2020 của Liên đoàn Bóng bàn Thành phố Hồ Chí Minh đã cung cấp thông tin liên quan đến các giải đấu trong năm 2017 của Câu lạc bộ Bóng bàn PE. Đính kèm công văn này, Liên đoàn Bóng bàn cung cấp cho Tòa các hình ảnh liên quan đến việc luyện tập, thi đấu và các hoạt động khác của Câu lạc bộ. Đây là tài liệu khách quan và do cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tổ chức thi đấu và trao giải bóng bàn cung cấp nên được xem là chứng cứ. Các hình ảnh của vận động viên đều mặc trang phục luyện tập và thi đấu có logo của bị đơn tại bút lục 320, 321, 322, 323. Logo và danh xưng nhà đồng hành của bị đơn được thể hiện trên backdrop tại bút lục 322. Thông tin danh xưng nhà đồng hành cũng như logo của bị đơn cũng được thể hiện trên thư mời tại bút lục 42. Logo của bị đơn cũng được đặt trên banroll ngang tại khu vực luyện tập thi đấu thể hiện ở bút lục 34.

Do năm 2017 các bên không ký phụ lục và phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ thông báo nên Hội đồng xét xử căn cứ thỏa thuận của các bên tại Khoản 4.2.1 Điều 4 hợp đồng 234 và phạm vi công việc, đơn giá theo phụ lục 1 đã được các bên ký năm 2014 làm căn cứ tham chiếu để xác định phần việc và giá trị hoạt động quảng cáo mà nguyên đơn đã thực hiện của năm 2017. Các hình ảnh được viện dẫn ở trên là căn cứ để xác định nguyên đơn đã thực hiện được mục II trong phụ lục 1 đồng thời cũng đảm bảo danh xưng đơn vị đồng hành của câu lạc bộ cho bị đơn tại mục I.1. Các bên thỏa thuận giá trị của mục I là 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng bao gồm ba tiểu mục diễn giải. Phía nguyên đơn chỉ thực hiện được 1 trong 3 phần này. Do đó giá trị phần dịch vụ của nguyên đơn đã thực hiện được xác định là I (1.500.000.000/3) + II. (500.000.000) = 1.000.000.000 (một tỷ) đồng.

Ý kiến của Viện kiểm sát là không có căn cứ như Hội đồng xét xử đã phân tích.

Từ những nhận định trên, chỉ có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán số tiền dịch vụ quảng cáo đã thực hiện năm 2017 đối với hợp đồng 234 là 1.100.000.000 (bao gồm thuế VAT).

[4] Về án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn bị bác một phần yêu cầu nên phải chịu án phí trên phần yêu cầu không được chấp nhận là $2.200.000.000 - 1.100.000.000 = 1.100.000.000$ (một tỷ một trăm triệu) đồng. Án phí nguyên đơn phải chịu là 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 38.000.000 (ba mươi tám triệu) đồng theo biên lai thu số 0005767 ngày 06/02/2020 của Chi cục thi hành dân sự Quận 1. Nguyên đơn phải nộp thêm 7.000.000 (bảy triệu) đồng.

Bị đơn phải chịu án phí trên phần yêu cầu được chấp nhận của nguyên đơn là 1.100.000.000 (một tỷ một trăm triệu) đồng. Án phí bị đơn phải chịu là 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho bị đơn tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp là 2.000.000 (hai triệu) đồng theo biên lai thu số 0030379 ngày 19/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 308 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 520 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi bổ sung năm 2014);

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, Tổng Công ty P– Công ty Cổ phần.

Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 183/2020/KDTM-ST ngày 22/12/2020 của Tòa án nhân dân Quận 1.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tổng công ty Cổ phần dịch vụ T, buộc bị đơn Tổng Công ty P– Công ty Cổ phần thanh toán phí dịch vụ quảng cáo năm 2017 là 1.100.000.000 (một tỷ một trăm triệu) đồng (bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Tổng công ty Cổ phần dịch vụ T có nghĩa vụ xuất hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật về thuế cho Tổng Công ty P– Công ty Cổ phần theo số tiền dịch vụ phải thanh toán là 1.100.000.000 (một tỷ một trăm triệu) đồng.

Thực hiện một lần ngay khi bản án có hiệu lực thi hành.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, nếu Tổng Công ty P– Công ty Cổ phần không thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên thì Tổng Công ty P– Công ty Cổ phần còn phải chịu tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Nguyên đơn Tổng công ty Cổ phần dịch vụ T phải chịu án phí là 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 38.000.000 (ba mươi tám triệu) đồng theo biên lai thu số 0005767 ngày 06/02/2020 của Chi cục thi hành dân sự Quận 1. Tổng công ty Cổ phần dịch vụ T phải nộp thêm 7.000.000 (bảy triệu) đồng.

Bị đơn Tổng Công ty P– Công ty Cổ phần phải chịu án phí là 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng.

3. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho Tổng Công ty P– Công ty Cổ phần số tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp là 2.000.000 (hai triệu) đồng theo biên lai thu số 0030379 ngày 19/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ (Hiền).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Thị Như Mai